

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2018/HSST**
Ngày: 31/10/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyên Tùng;

Thẩm phán: Ông Trần Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu On; ông Lê Xuân Dũng và bà Nguyễn Thị Xuân Thương - Đều là cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Hồng Minh - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 18/2018/HSST ngày 11/9/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-HS ngày 02/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2018/HSST-QĐ ngày 15/10/2018 đối với bị cáo:

Phan Thị K, sinh năm 1989; tại tỉnh Phú Yên. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Phú A, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T, sinh năm 1966 và bà Trần Thị Th, sinh năm 1968; có chồng Huỳnh Quốc H, sinh năm 1986 (đã ly hôn năm 2012) và 01 con, sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bắt tạm giam ngày 11/4/2018; có mặt.

*** Người bào chữa của bị cáo Phan Thị K theo yêu cầu của Tòa án:** Bà Nguyễn Thị Nh - Luật sư, Văn phòng Luật sư Y, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên; có mặt.

*** Người bị hại:**

1. Trần Thị Kim N, sinh năm 1970; có mặt.

2. Nguyễn Thị Diễm C, sinh năm 1975; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
Cùng nơi cư trú: đường S, phường 6, thành phố H, tỉnh Phú Yên.

3. Võ Thị H, sinh năm 1972. Nơi cư trú: R, phường 6, thành phố H, tỉnh Phú Yên; có mặt.

4. Nguyễn Đình C2, sinh năm 1994. Nơi cư trú: phường 9, thành phố H, tỉnh Phú Yên; có mặt.

5. Nguyễn Thị H1, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Thôn Ph, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên; có mặt.

** Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

1. Phan Văn Th, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; có mặt.

2. Nguyễn Thị V, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện P, tỉnh Phú Yên; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 04/2016 đến tháng 01/2018, do không có tiền tiêu xài. Phan Thị K đã nói dối tên Nguyễn Trần Phương Vy đang làm lãnh đạo tại Quân khu 5, Sở Tài chính, có chồng tên Nguyễn Hoàng Minh, làm Phó giám đốc cơ sở 2 Công an tỉnh Phú Yên nên có khả năng xin việc làm trong Quân đội và các cơ quan Nhà nước. Tin lời K, các chị Trần Thị Kim N, Nguyễn Thị H1, Võ Thị H, Nguyễn Thị Diễm C và anh Nguyễn Đình C2 đã đưa tiền cho K tổng cộng 905.800.000 đồng nhờ xin việc làm cho người thân, sau khi nhận tiền Khuê không thực hiện như đã hứa mà sử dụng tiêu xài cá nhân, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 04/2016, K quen biết chị Trần Thị Kim N và biết chị N có con tên Nguyễn Minh Ti đang thi hành nghĩa vụ quân sự tại tỉnh Quảng Nam nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài tiền của chị N. K giới thiệu tên Vy đang làm Lãnh đạo trong Quân khu 5 phụ trách bên tuyển lính nghĩa vụ, chồng tên Nguyễn Hoàng Minh là Phó giám đốc cơ sở 2 Công an tỉnh, K nói có khả năng xin cho Ti ở lại phục vụ lâu dài trong Quân khu 5 với giá từ 30 đến 40 triệu đồng, chị N đồng ý. Sau đó, K nhiều lần yêu cầu chị N đưa tiền để K chi phí xin việc như: Ký giấy đi học, mua đồng phục, trả tiền đi thực tế, mua bằng đại học, đóng tiền bảo hiểm, làm thẻ ngành, đưa tiền cho lãnh đạo để làm hồ sơ nhanh,... Cũng trong thời gian này, K còn hứa xin cho con đầu của chị N tên Nguyễn Trần Bình Y vào làm ở Quân khu 5, chồng chị Ngân tên Nguyễn Văn H2 làm bảo vệ tưới nước cây và chị N làm tạp vụ tại Tỉnh ủy Phú Yên. Tin tưởng K, từ khoảng tháng 04/2016 đến tháng 07/2017, chị N đã đưa tiền cho K khoảng 25-26 lần, lần nhiều nhất 25.000.000 đồng, lần ít nhất 500.000 đồng, tổng cộng 245.000.000 đồng, sau khi nhận tiền, K không xin việc như đã hứa mà sử dụng chi tiêu cá nhân.

Vụ thứ hai: Thông qua chị N, khoảng tháng 04/2016 K quen biết chị Nguyễn Thị Diễm C (em chồng chị N), khi gặp chị C, K giới thiệu tên Vy làm Lãnh đạo trong Quân khu 5, có chồng tên Nguyễn Hoàng Minh làm Phó Giám đốc cơ sở 2 Công an tỉnh Phú Yên, chị C nhờ K xin việc cho con tên Trần Minh Th, K đồng ý xin cho Th vào làm việc lâu dài trong Quân khu 5 với giá khoảng vài chục triệu đồng. Chị C đồng ý và đưa cho K 15.000.000 đồng để lo xin việc, tiếp đó K gọi điện cho chị N nói chị C đưa tiền hoặc trực tiếp đến nhà chị N gặp chị C lấy tiền. Từ tháng 04/2016 đến

cuối năm 2016, chị C đã đưa cho K khoảng 06-07 lần, lần nhiều nhất 20.000.000 đồng, lần ít nhất 2.000.000 đồng, tổng cộng 70.000.000 đồng. Sau đó, K tiếp tục gọi điện nói chị C đưa thêm tiền nhưng chị C nói không có tiền nên K không hỏi nữa và cũng không xin việc cho Th mà sử dụng tiền chị C đưa tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ ba: Thông qua chị N, K quen biết chị Nguyễn Thị H1 (thím của N), khi gặp chị H1, K giới thiệu tên Vy làm Lãnh đạo trong Quân khu 5, có chồng tên Nguyễn Hoàng Minh làm Phó Giám đốc cơ sở 2 Công an tỉnh Phú Yên, chị H1 nhờ Kh xin cho con tên Nguyễn Thị Hồng Ng, K nói đưa cho Kh 80.000.000 đồng thì K sẽ xin cho Ng vào làm kế toán trong Quân khu 5. Chị H1 đồng ý. Sau đó, K nhiều lần gọi điện nói chị H đưa tiền để K đóng phí hồ sơ, lệ phí thi, chi phí đi thực tế, rút hồ sơ và đưa thêm tiền để lo cho Ng làm thư ký riêng cho K. Tin tưởng K, từ tháng 08/2016 đến tháng 08/2017, chị H1 đã đưa tiền cho K 16 lần, lần nhiều nhất 80.000.000 đồng, lần ít nhất 300.000 đồng, tổng số 222.800.000 đồng, các lần đưa tiền Ng đều ghi chép lại về thời gian, số tiền và lý do đưa tiền cho K, trong đó một số lần đưa tiền có chị N và Nguyễn Đình C2 chứng kiến. Sau khi lấy tiền, K hẹn ngày 11/01/2017 Ng sẽ đi làm, nhưng K không xin việc cho Ng như đã hứa mà sử dụng tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ tư: Từ khoảng tháng 07/2016, Kh thường xuyên thuê xe taxi do Nguyễn Đình C2 điều khiển nên quen biết C2. Khuê giới thiệu với C2 là K làm Lãnh đạo trong Quân khu 5, Kh nói C2 chạy xe vất vả, thu nhập lại không ổn định để K xin cho C2 vào lái xe trong Quân khu 5. C2 nói gia đình khó khăn không có tiền xin việc thì K nói để K cho mượn khi nào đi làm thì trả lại sau. C2 đồng ý, K mua hồ sơ xin việc đưa cho C2 ghi thông tin rồi đưa lại cho K. Đến khoảng đầu tháng 10/2016, K nói C2 đã có tên trong danh sách đi làm nên phải đi thực tế để báo cáo cho thanh tra Trung ương. Tin sắp được đi làm, từ tháng 10/2016 đến tháng 01/2018, C2 đã đưa tiền cho K khoảng từ 15-16 lần, lần đưa nhiều nhất là 50.000.000 đồng, ít nhất là 5.000.000 đồng, để trả chi phí lo xin việc và trả tiền đi thực tế, tổng cộng là 180.000.000 đồng. Cũng trong thời gian này, K còn hứa xin cho em họ của C2 tên Nguyễn Thị Bích Th vào làm việc tại Quân khu 5, C2 đã đưa cho K 18.000.000 đồng. Tổng số tiền C2 đã đưa cho K là 198.000.000 đồng. Thực tế K không xin việc cho ai mà sử dụng tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ năm: Đầu năm 2017, K đến quán của chị Võ Thị H ở số R, phường 6, thành phố H uống nước thì gặp chị H. Qua nói chuyện, K biết chị H có con gái tên Nguyễn Ngọc Tr, đang cần xin việc làm. K giới thiệu tên Vy làm Trưởng phòng nhân sự Sở Tài chính tỉnh Phú Yên, chồng tên là Minh làm Phó Giám đốc Công an tỉnh Phú Yên cơ sở 2. Kh nói với chị H sẽ xin cho Tr vào làm nhân viên trong Sở Tài chính, chi phí khoảng 50.000.000 đồng, chị H đồng ý. Sau đó, K nói với chị H, hiện tại Trưởng phòng kinh doanh của Sở Tài chính đã chuyển công tác đi Bình Định nên K nói chị H chuẩn bị từ 120 – 200 triệu đồng đưa cho K lo cho Tr vào làm Trưởng phòng và hẹn ngày 29/01/2018 Tr sẽ đi làm. Tin lời K, từ ngày 02/12/2017 đến khoảng đầu tháng 01/2018, chị H nhiều lần đưa tiền cho K, lần nhiều nhất là 60.000.000 đồng, ít nhất là 6.000.000 đồng, tổng cộng 170.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền K không xin việc cho con chị H. Ngày 22/01/2018, Tr nhắn tin hỏi K về việc làm, K nói đang ở Hải Phòng và chuẩn bị đưa chồng đi Singapore, nghi ngờ nên

chị H đi tìm thì gặp K đang ngồi trên xe taxi tại đường Nguyễn Huệ, phường 2, thành phố H và báo Công an.

Bản Cáo trạng số 16/CT-VKS-P1 ngày 10/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên đã truy tố bị cáo Phan Thị K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Thị K vẫn khai nhận tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt đều khai về tình tiết vụ án diễn ra như nội dung bản cáo trạng đã truy tố là đúng; ông Phan Văn Th cha bị cáo Phan Thị K tự nguyện nộp 34.000.000 đồng bồi thường thay cho con, không yêu cầu bị cáo hoàn trả; các bị hại có mặt đều đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt nghiêm hành vi phạm tội của bị cáo và buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Phan Thị K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; phạt: Phan Thị K từ 13 đến 14 năm tù. Đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Trần Thị Kim N 245.000.000 đồng; Nguyễn Thị H1 222.800.000 đồng; Nguyễn Đình C2 198.000.000 đồng; và tiếp tục bồi thường Võ Thị H 136.000.000 đồng; đối với bà Nguyễn Thị Diễm C tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt 70.000.000 đồng nên không xét. Đề nghị tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2, vỏ màu đồng, không có sim; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, RN-1190, có sim số 01686649768 và sim số 0899234759 của Phan Thị K, là phương tiện để bị cáo dùng vào việc phạm tội; trả cho bà Võ Thị H số tiền 10.800.000 đồng, đang tạm giữ trong tài khoản số 394909040469 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên tại Kho bạc nhà nước tỉnh Phú Yên.

Luật sư Nguyễn Thị Nh bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Kiểm sát viên đề nghị, thì cần xem xét bị cáo là phụ nữ, có nhân thân tốt, gia đình trước đây là hộ cận nghèo, nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và phạt bị cáo mức án thấp hơn mức án mà Kiểm sát viên đã đề nghị.

Trong phần tranh luận Kiểm sát viên không nhất trí với đề nghị của người bào chữa, giữ nguyên lời luận tội; bị cáo xin Tòa giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Yên, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên, Kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của bị cáo Phan Thị K phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; cùng các tài liệu là chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở để kết luận: Từ khoảng tháng 04/2016 đến tháng 01/2018, Phan Thị K đã nói dối với Trần Thị Kim N, Nguyễn Thị Diễm C, Nguyễn Thị H1, Võ Thị H và Nguyễn Đình C2; bị cáo tên là Nguyễn Trần Phương Vy đang làm lãnh đạo tại Quân khu 5, Sở Tài chính tỉnh Phú Yên, có chồng tên Nguyễn Hoàng Minh làm Phó giám đốc Công an tỉnh Phú Yên cơ sở 2 nên có khả năng xin việc làm trong Quân khu 5 và các cơ quan Nhà nước. Tin tưởng K, bà N đã nhiều lần đưa cho K 245.000.000 đồng để K xin việc làm cho 02 con và vợ chồng N; bà C nhiều lần đưa cho K 70.000.000 đồng; bà H1 nhiều lần đưa cho K 222.800.000 đồng, bà H nhiều lần đưa cho K 170.000.000 đồng để K xin việc cho con của các bị hại; anh C2 nhiều lần đưa cho K 180.000.000 đồng để K xin việc cho C2 và em họ của C2. Tổng cộng 905.800.000đ (*Chín trăm linh năm triệu tám trăm nghìn đồng*). Thực chất K không có nghề nghiệp, chồng của K không làm trong ngành Công an và đã ly hôn; nên sau khi nhận tiền của các bị hại, K không thực hiện như lời hứa mà chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân. Do đó, bản cáo trạng 16/CT-VKS-P1 ngày 10/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên đã truy tố Phan Thị K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng tội.

[3] Bị cáo Phan Thị K là người có đầy đủ năng lực nhận thức và năng lực chịu trách nhiệm hình sự; bản thân bị cáo biết rõ, việc đưa ra thông tin gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản, là xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác và bị pháp luật nghiêm cấm; nhưng vì lợi ích cá nhân, bản chất lười biếng lao động, bị cáo đã bất chấp pháp luật, chiếm đoạt tài sản của nhiều người, không chỉ làm mất trật tự trị an - an toàn xã hội ở địa phương, mà còn gây bức xúc trong dư luận. Việc người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ hình sự, như: Bị cáo là phụ nữ, có nhân thân tốt, gia đình trước đây là hộ cận nghèo, theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là không có cơ sở; và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo với mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liên kề là không đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung, nên không chấp nhận; mà chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên để xử phạt nghiêm. Tuy nhiên, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, chấp nhận để gia đình bồi thường 34.000.000 đồng cho bà Võ Thị H để khắc phục một phần thiệt hại, tỏ thái độ ăn năn hối cải; nên xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt cho phù hợp.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Theo Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về vật chất đã được xác định do hành vi phạm tội gây ra.

[4.1] Đối với bị hại Nguyễn Thị Diễm C bị Phan Thị K chiếm đoạt 70.000.000 đồng, nhưng bà C tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên Kiểm sát viên đề nghị không xét là phù hợp.

[4.2] Đối với bị hại bà Trần Thị Kim N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt 245.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị H1 yêu cầu bồi thường 222.800.000 đồng; Nguyễn Đình C2 yêu cầu bồi thường 198.000.000 đồng; Võ Thị H yêu cầu tiếp tục bồi thường số tiền còn lại 136.000.000 đồng. Bị cáo Phan Thị K đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại. Xét sự thỏa thuận của các bị hại với bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Kiểm sát viên đề nghị ghi nhận là có cơ sở chấp nhận.

[4.3] Tại cơ quan điều tra bà Võ Thị H còn yêu cầu bị cáo Phan Thị K bồi thường cho con bà, cháu Nguyễn Thị Thu Tr khoản tiền tổn thất tinh thần trong thời gian cháu Trang chờ việc làm phải nghỉ học, nhưng tại phiên tòa bà H thấy yêu cầu của mình là không có cơ sở và tự nguyện rút yêu cầu, nên không xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

[5.1] 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2, vỏ màu đồng, không có sim; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, RN-1190, có sim số 01686649768 và sim số 0899234759 của bị cáo Phan Thị K. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo sử dụng 02 điện thoại này làm phương tiện liên lạc và chiếm đoạt tiền của các bị hại, nên Kiểm sát viên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước, là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, nên chấp nhận.

[5.2] Số tiền 10.800.000 đồng, đang tạm giữ trong tài khoản số 394909040469 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên tại Kho bạc nhà nước tỉnh Phú Yên. Theo bị cáo Phan Thị K khai, khi chiếm đoạt của bà Võ Thị H 170.000.000 đồng, bị cáo tiêu xài còn lại 10.800.000 đồng, nên Kiểm sát viên đề nghị trả lại cho bà H là có cơ sở, phù hợp với khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo Phan Thị K bị kết án phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo phải bồi thường cho bà Trần Thị Kim N 245.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị H1 222.800.000 đồng; ông Nguyễn Đình C2 198.000.000 đồng; tiếp tục bồi thường cho bà Võ Thị H yêu cầu tiếp tục bồi thường số tiền còn lại 125.200.000 đồng (136.000.000đ – 10.800.000đ). Tổng cộng: 791.000.000 đồng, nên phải chịu 20.000.000 đồng + (4% x 391.000.000đ) = 35.640.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phan Thị K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Phạt: Bị cáo Phan Thị K - 14 (*Mười bốn*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2018.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo với các bị hại. Buộc bị cáo Phan Thị K phải bồi thường cho bà Trần Thị Kim N số tiền 245.000.000đ (*Hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng*); bồi thường cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền 222.800.000đ (*Hai trăm hai mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng*); bồi thường cho ông Nguyễn Đình C2 số tiền 198.000.000đ (*Một trăm chín mươi tám triệu đồng*); tiếp tục bồi thường cho bà Võ Thị H số tiền 125.200.000 đồng (136.000.000đ – 10.800.000đ) (*Một trăm hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng*).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2, vỏ màu đồng, không có sim; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, RN-1190, có sim số 01686649768 và sim số 0899234759 của bị cáo Phan Thị K.

Tuyên trả cho bị hại bà Võ Thị H số tiền 10.800.000đ (*Mười triệu tám trăm nghìn đồng*), đang tạm giữ trong tài khoản số 394909040469 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên tại Kho bạc nhà nước tỉnh Phú Yên.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Thị K phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 35.640.000 đ (*Ba mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh (2);
- PV27 (1);
- PC 14 (1);
- Sở tư pháp (1);
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu AV, HS

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Võ Nguyên Tùng